TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 – 8 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồng Ân

Ông Trần Minh Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Bảo Trân là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2025/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Yến N, sinh năm 1988 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Đinh Văn R, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Bà N và ông R chung sống với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã N, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, hay cự cải, ông R không quan tâm đến gia đình nên ông bà đã ly thân từ tháng 6 năm 2025 đến nay, nay bà N nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông R.

- Về con chung: Có 02 con chung là Đinh Công Đ, sinh ngày 01/6/2010 và Đinh Văn L, sinh ngày 16/9/2013, hiện đang sống cùng với bà N, khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung là 1.725.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà N yêu cầu xét xử vắng mặt, ông R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà N và ông R chung sống với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã N, tỉnh Cà Mau) nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo bà N xác định quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp hay cự cải và ông bà đã ly thân từ tháng 6 năm 2025, từ nguyên nhân trên nên bà N yêu cầu ly hôn với ông R.

Đối với ông R không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà N cho thấy ông không có nguyện vọng để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho bà N được ly hôn với ông R là phù hợp và đúng quy định.

[3] Về con chung: Xét thấy hiện nay hai con chung đang sống cùng với bà N, hai cháu có nguyện vọng tiếp tục sống cùng bà N khi ông bà ly hôn, quá trình giải quyết vụ án ông R không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó để tiếp tục ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao Đinh Công Đ và Đinh Văn L cho bà N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông R không trực tiếp nuôi con nên bà N yêu cầu ông R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định. Do đó buộc ông R có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với mỗi người con mỗi tháng là 1.725.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, cấp dưỡng hàng tháng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông R không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí:

- Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Ông R phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, 83, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm

a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Yến N được ly hôn với ông Đinh Văn R.

2. Về con chung: Giao Đinh Công Đ, sinh ngày 01/6/2010 và Đinh Văn L, sinh ngày 16/9/2013 cho bà N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Đinh Văn R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Đinh Công Đ và Đinh Văn L, mức cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.725.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (18/8/2025) đến khi hai con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004275 ngày 25/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cà Mau), bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Án phí cấp dưỡng: Ông R phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chưa nộp.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 3 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau;
- UBND xã Nguyễn Việt Khái, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Dũng Liêm